

Bản án số: 146/2023/DS-PT

Ngày: 27-3-2023

*V/v “Tranh chấp di sản thừa kế
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất”.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các thẩm phán: Ông Lê Văn An

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Gia Viễn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 691/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 444/2023/QĐ-PT ngày 27/02/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu D, sinh năm 1974; (có mặt)

Địa chỉ: Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền cho bà D là bà Phạm Thị L, sinh năm 1982; (có mặt)

Địa chỉ: Phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Lê Công I, sinh năm 1954; (có mặt)

Địa chỉ: Phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Trầm Minh K, sinh năm 1950 là Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt);

3. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Bùi Quang V, sinh năm 1929; (vắng mặt)

Địa chỉ: Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Ông V ủy quyền cho bà Lê Thị Thu D, sinh năm 1974 (có mặt)

3.2 Ông Lê Công C, sinh năm 1952; (vắng mặt).

Địa chỉ: Úc.

3.3 Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Trung T, chức vụ: Chủ tịch (xin xét xử vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị Thu D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị Thu D trình bày: Em trai của bà tên là Lê Công Việt N được sở hữu và sử dụng bao gồm nhà và đất có tổng diện tích 157m² tọa lạc tại thửa số 116; tờ bản đồ số 28; địa chỉ: 190/5 đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, chiếu theo bản án số 94/DSPT ngày 22/11/1993 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Năm 2010 N chết, N có cha mẹ ruột là ông Lê Công I và bà Bùi Thị K, ngoài ra không có cha mẹ nuôi. N chết không để lại di chúc.

Ngày 28/7/2021 bà Bùi Thị K chết không để lại di chúc. Bà K (không tái giá) có duy nhất một con ruột là bà, cha của bà K là ông Bùi Quang V, mẹ ruột của bà K là bà Đỗ Thị N1 (đã chết). Ngoài ra, bà K không có cha mẹ nuôi hay con nuôi.

Bà là hàng thừa kế thế vị của bà K, bà yêu cầu ông Lê Công I chia thừa kế của em trai Lê Công Việt N $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nhà và đất khoảng 64m² tọa lạc tại địa chỉ trên.

Khi bà yêu cầu đòi chia thừa kế thì bà được biết vào năm 2000 thì ông Lê Công I tự lấy tài sản của N đi đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401140702 do Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ cấp ngày 07/11/2000 do ông I đứng tên. Sau đó, năm 2005 ông Lê Công I tự ý lập hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở là một phần căn nhà số 190/5 đường 30/4 phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ với diện tích sử dụng 49,26m²; về đất: một phần thửa đất có phần nhà nêu trên có diện tích 68,80m² tọa lạc tại thửa số 116; tờ bản đồ số 28 cho ông Lê Công C (là anh trai ruột của ông Lê Công I hiện định cư tại Úc) việc tặng cho này của ông I là hoàn toàn trái pháp luật vì đây là tài sản của Lê Công Việt N, ông I không có quyền tự đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở. Đồng thời, ông I không có quyền tặng cho hay chuyển nhượng sang tên, ông chỉ là người giám hộ tài sản cho N theo Bản án số 94/DSPT ngày 22/11/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu: Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5401140702 do Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ cấp ngày 07/11/2000 cho ông Lê Công I, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00831 ngày 19/10/2005 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp cho ông Lê Công C.

Yêu cầu chia di sản thừa kế của Lê Công Việt N cho bà là hàng thừa kế thế vị

của bà Bùi Thị K. Bà xin được nhận $\frac{1}{2}$ di sản là nhà, đất có tổng diện tích $157m^2$ tọa lại thửa 116; tờ bản đồ số 28; địa chỉ: 190/5 đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Phần bà yêu cầu được nhận hiện vật là nhà và đất có diện tích $68m^2$.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà D thay đổi yêu cầu khởi kiện: Bà yêu cầu ông Lê Công I chia di sản thừa kế phần của bà là 700.000.000 đồng. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu nào khác.

Phía bị đơn ông Lê Công I trình bày: Ông và bà Bùi Thị K chung sống vợ chồng từ năm 1980. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà K bị nợ nần, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông bà xin ly hôn. Quá trình chung sống ông, bà có một con chung tên là Lê Công Việt N, sinh ngày 24/5/1982. Ông làm đơn xin ly hôn với bà K được Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) xử sơ thẩm ngày 18/12/1992 và được Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ xử phúc thẩm ngày 22/11/1993 (bản án số 94/DSPT) bản án này đã có hiệu lực pháp luật.

Ngày 08/8/1986 ông có mua nhà và đất bằng số tiền thừa hưởng riêng. Văn bản là: Tờ hợp đồng mua bán nhà (hay phần hoa màu) người bán là vợ chồng ông Huỳnh Thanh V, bà Nguyễn Thị Thùy D. Người mua là một mình ông đứng tên. Căn nhà lá có bề dài 7m và chiều ngang là 4m = $28m^2$ nền đất, vách tol, xây cất trên phần đất 4m x 20m.

Theo bản án số 94/DSPT ngày 22/11/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ nhận định: Riêng về căn nhà 190/5 đường 30/4 phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo tài liệu hồ sơ có đủ chứng cứ chứng minh là tài sản riêng của ông. Ở phần quyết định của bản án về tài sản có nêu: “Chấp nhận yêu cầu của anh Ích là giao quyền sở hữu căn nhà 190/5 đường 30/4, phường Hưng Lợi, thành phố Cần Thơ cho cháu Lê Công Việt N. Giao quyền giám hộ căn nhà cho anh Ích, các tài sản khác giao cho chị K”. Sau đó, đến năm 1994 ông có mua thêm $77m^2$ đất của nhà kế bên.

Ông rất đau khổ khi biết người con trai ông bị nghiện ngập ma túy. Ngày N xin về sống chung với ông, cháu N có làm tờ xác nhận và cam kết hứa rằng tu sửa tính tình, kiếm ngành nghề lao động để sinh sống và cam kết ngày 09/02/2000. Đến ngày 17/8/2002 trước Ủy ban nhân dân phường Hưng Lợi, N ký tờ xác nhận và cam đoan không nhận tài sản. Do đó, ông yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn đòi chia tài sản thừa kế với ông.

Ông Lê Công C trong giấy đề nghị xét xử vắng mặt và xác nhận trình bày: Ông hiện đang sinh sống tại Úc. Vào ngày 19/10/2005, ông có sở hữu hợp pháp căn nhà cấp 3 do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều ký công nhận số H00831/QSĐĐ như sau: Thửa đất số 355, địa chỉ thửa đất 190/5A đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Diện tích $68,8m^2$, tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 3 với diện tích xây dựng là $49,26m^2$ (khác với nhà 190/5 đường 30/4 kế bên cạnh). Nay ông xin xác nhận là căn nhà này là tài sản của ông. Ông là chủ sở hữu hợp pháp được cấp giấy chứng nhận theo quy định pháp luật. Vì lý do ở nước ngoài, đi lại sẽ khó khăn nên ông xin bảo lưu lời khai và ông ủy quyền cho em ruột của ông là Lê Công I thay ông trình bày trước tòa.

Người làm chứng bà Đoàn Mỹ T trình bày: Bà ở tại căn nhà 190/3 đường 30/4 từ khoảng năm 1980 đến nay. Lúc ông I và bà K ly hôn bà có đi dự phiên tòa giải quyết của họ với nhau. Thời điểm Tòa án tuyên căn nhà số 190/5 cho cháu Lê Công Việt N sở hữu, lúc đó cháu N khoảng 11 tuổi, ông I là người giám hộ cho cháu, đến khi N tròn 18 tuổi thì ông I giao căn nhà lại cho cháu N. Căn nhà lúc đó có kết cấu: nhà lá, vách tol, nền đất ngang 4m x dài 7m = 28m² và bà là người làm chứng ký trong tờ xác nhận, cam đoan ngày 18/8/2002 về việc cháu N không nhận bất cứ tài sản gì kể cả căn nhà và đất tại 190/5. Cháu N là người bị nghiện ngập ma túy, không có tiền sử dụng ma túy nên nảy sinh trộm cắp, vì thế ông I mới lập tờ xác nhận và cam đoan ngày 17/8/2002 để cho cháu N ký tên vào. Cháu N vẫn ở tại căn nhà trên cho đến chết. Bà cam đoan lời khai là sự thật, bà xin vắng mặt trong các phiên hòa giải và xét xử.

Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xin xét xử vắng mặt.

Tại Công văn số 437/CNVPĐKĐĐ ngày 29/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai quận Ninh Kiều trình bày:

1. Đối với hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 5401140702 do Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ (cũ) cấp ngày 07/11/2000 cho ông Lê Công I, chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận Ninh Kiều không lưu hồ sơ.

2. Đối với hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00831/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ cấp ngày 19/10/2005 cho ông Lê Công C, thành phần hồ sơ gồm có:

- Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 427/NĐHL-05 được Ủy ban nhân dân phường Hưng Lợi ký xác nhận ngày 08/7/2005.

- Hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất số 168; quyền số 01/2005/TPCC-SCC/HĐGD ngày 01/7/2005.

- Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất được UBND phường Hưng Lợi ký xác nhận ngày 26/7/2005.

- Hồ sơ kỹ thuật đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 28/8/2005.

- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 23/9/2005

- Ngày 19/10/2005 ông Lê Công C được Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00831/QSĐĐ

Căn cứ theo khoản 4, Điều 49 Luật Đất đai năm 2003; Điều 117, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ thì việc Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C ngày 19/10/2005 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận

3. Đến thời điểm hiện nay dữ liệu hồ sơ địa chính vẫn còn đứng tên ông Lê Công C là chủ sử dụng, chưa có cập nhật biến động thay đổi.

Do hòa giải không thành nên vụ kiện được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía bà Phạm Thị L đại diện ủy quyền cho bà Lê Thị

Thu D yêu cầu ông I phải chia di sản thừa kế là 700.000.000 đồng (có rút lại một phần ít hơn yêu cầu khởi kiện ban đầu). Nguyên đơn thống nhất giá đất theo giá thẩm định là 55.000.000 đồng/m².

Bà Lê Thị Thu D đại diện theo ủy quyền cho ông Bùi Quang V (cha của bà K) yêu cầu ông I chia cho ông V phần di sản là 700.000.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 37, Điều 91, Điều 92, Điều 93 Điều 97, Điều 98, Điều 101, Điều 147, Điều 149, Điều 151, Điều 159, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Điều 257 Bộ luật dân sự 1995.

Điều 612, Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu D đối với ông Lê Công I về việc: “*Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/8/2022 nguyên đơn bà Lê Thị Thu D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Thu D có người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Bà Phạm Thị L trình bày: Đề nghị trưng cầu giám định chữ ký lần 2 đối với chữ ký của Lê Công Việt N, vì chữ ký trên Tờ cam kết không phải của N, thời điểm đó N đã cai nghiện rất nặng, không thể ký rõ ràng như vậy. Lúc này N đã 18 tuổi có làm thủ tục cấp chứng minh nhân dân nên sẽ có lưu mẫu chữ ký của N làm căn cứ giám định lại. Chứng cứ duy nhất là Tờ xác nhận của N, nội dung là Ng từ chối nhận di sản là căn nhà chứ không phải hợp đồng tặng cho ông I. Như vậy căn nhà vẫn là của bà K và ông I nên nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là đúng, trong khi nguyên đơn chỉ yêu cầu một phần rất nhỏ trong khối tài sản mà bị đơn vẫn không đồng ý. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ông I không phải là người được toàn quyền đối với di sản. Nguyên đơn vẫn xác định được diện tích đất tranh chấp dựa trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông I và ông C nhưng nguyên đơn từ bỏ một số yêu cầu mà chỉ giữ yêu cầu đối với diện tích 68m². Nếu ông I cho rằng đó là tài sản riêng thì ông I phải chứng minh vì nguyên đơn tranh chấp di sản trong thời kỳ hôn nhân của bà K, ông I thì không có nghĩa vụ chứng

minh. Do thời điểm ly hôn bà K còn muốn hàn gắn nên không tranh chấp tài sản chứ bản án ly hôn không xác định tài sản là của riêng ông I.

Nguyên đơn Lê Thị Thu D đồng ý với trình bày của bà Phạm Thị L, không bổ sung.

Bị đơn ông Lê Công I trình bày: Bà D khởi kiện từ năm 2018, bà D trình bày trong đơn là bà K và ông I tự phân chia tài sản là chia đôi là không đúng vì $\frac{1}{2}$ tài sản ông I đã làm tặng cho ông Lê Công C rồi thì không có tài sản để chia cho bà K, mà bà K cũng không sống ở đây đến khi chết, nên yêu cầu của bà D là không có cơ sở.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lê Công I là Luật sư Nguyễn Trầm Minh K trình bày: Nguồn gốc nhà đất tranh chấp là của cá nhân ông I nhận chuyển nhượng năm 1986, được Ủy ban xác nhận. Tại Bản án số 94/DSPT ngày 22/11/1993 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thì bà K và ông I tự phân chia tài sản nên đến năm 2000 thì ông I được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có căn cứ, nguyên đơn cũng không xuất trình được các giấy tờ hợp lệ về nguồn gốc theo yêu cầu của Hội đồng xét xử. N ký cam kết không đòi tài sản nào, có bà Thắm làm chứng. Tháng 8/2002 thì N đã trên 18 tuổi nên căn cứ Điều 17 Bộ luật dân sự 1995 thì Tờ cam đoan của N là hợp pháp nên tài sản là của ông I là đúng quy định. N chứng kiến ông I tặng cho quyền sử dụng đất ông C và đăng ký kê khai nhưng không khiếu nại, không tranh chấp nên nguyên đơn cho rằng bị đơn tự dịch chuyển di sản là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Yêu cầu giám định đã được sơ thẩm thực hiện và có kết luận không đủ cơ sở giám định nên yêu cầu giám định lại của nguyên đơn là không có cơ sở. Tờ cam kết được bà T chứng kiến và ông I được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi N còn sống mà không có ý kiến gì, ông I đã chuyển 1 phần cho người khác. Do đó Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định, hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị Thu D là con của bà Bùi Thị K, là chị cùng mẹ khác cha với anh Lê Công Việt N. Nguyên đơn yêu cầu được chia thừa kế đối với di sản của anh Lê Công Việt N chết để lại là nhà và đất có tổng diện tích 157m² tọa lạc tại thửa số 116; tờ bản đồ số 28; địa chỉ: 190/5 Đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, chiếu theo bản án số 94/DSPT ngày 22/11/1993 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

[2.2] Xét hàng thừa kế của anh Lê Công Việt N và bà Bùi Thị K:

- Ngày 09/6/2010 anh N chết không để lại di chúc, hàng thừa kế của anh N là cha mẹ ruột gồm ông Lê Công I và bà Bùi Thị K, ngoài ra không có cha mẹ nuôi.

- Ngày 28/7/2021 bà Bùi Thị K chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế của bà K là con gái Lê Thị Thu D, cha của bà K là ông Bùi Quang V, mẹ ruột của bà K là bà Đỗ Thị Năm (đã chết); bà K không có cha mẹ nuôi hay con nuôi.

Như vậy bà D là thừa kế thế vị của bà Bùi Thị K đối với di sản của anh N theo lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ. Theo đó, bà D yêu cầu ông Lê Công I chia thừa kế của em trai là anh Lê Công Việt N $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nhà và đất khoảng 64m² tọa lạc tại địa chỉ trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Linh đại diện ủy quyền của bà D rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu ông I chia số tiền là 700.000.000 đồng ngoài ra không yêu cầu khác. Phía ông I không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu của ông Bùi Quang V.

[2.3] Xét nguồn gốc tài sản mà nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế:

Nguồn gốc nhà và đất tại số 190/5 Đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ là của bị đơn ông Lê Công I nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Huỳnh Thanh V, bà Nguyễn Thị Thùy D là một căn nhà có diện tích 28m², chứng minh qua Tờ hợp đồng mua bán nhà ngày 08/8/1986. Như vậy, đây không phải là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông I, bà K.

Ông I và bà K chung sống từ năm 1980, có một con chung là Lê Công Việt N. Khi ông I và bà K ly hôn theo bản án 94/DSPT ngày 22/11/1993 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thì có thỏa thuận về tài sản, bản án ghi nhận như sau: *“Chấp nhận yêu cầu của anh I là giao quyền sở hữu căn nhà 190/5 đường 30/4 phường Hưng Lợi Thành phố Cần Thơ cho cháu Lê Công Việt N. Giao quyền giám hộ căn nhà cho anh Ích. Các tài sản khác trong nhà giao cho chị K”*.

Tuy nhiên, đến ngày 09/02/2000 anh N viết tờ cam kết với bị đơn không nhận tài sản là căn nhà trên nên ngày 07/11/2000 bị đơn lập thủ tục đăng ký cơ quan chức năng tiến hành thẩm tra xác minh xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất. Đến ngày 17/8/2002, anh N ký Tờ xác nhận và cam đoan có nội dung *“...từ nay về sau tôi không đòi hỏi xin bất cứ tài sản nào khác, kể cả phần sở hữu căn nhà số 190/5 đường 30/4, phường Hưng Lợi, thành phố Cần Thơ. ... Tờ xác nhận và cam đoan này, tôi đã đọc thật kỹ nhiều lần và hiểu rõ ý nghĩa trước khi ký tên”* được Ủy ban nhân dân phường Hưng Lợi chứng kiến và người làm chứng là bà Đoàn Mỹ T. Như vậy, anh N đã từ bỏ quyền sở hữu tài sản như trình bày của bị đơn là có cơ sở.

Do đó bà D không có căn cứ để yêu cầu ông I phải chia một phần tài sản là nhà và đất tại số 190/5 Đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn yêu cầu giám định lại chữ ký của anh N tại Tờ xác nhận và cam đoan ngày 17/08/2002 vì cho rằng đây không phải chữ ký của anh Ng. Yêu cầu này đã được cấp sơ thẩm thực hiện và kết quả là không đủ cơ sở để giám định. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại thời điểm anh N ký tờ xác nhận và cam đoan không nhận tài sản là đã trên 18 tuổi, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi dân sự, văn bản được chính quyền địa phương chứng thực và có người làm chứng, do đó Tờ cam kết trên hợp lệ về mặt hình thức và nội dung. Đồng thời, ông I đã đăng ký quyền sở hữu và đứng tên tài sản khi anh N còn sống trong suốt thời gian dài nhưng anh N không tranh chấp, không có ý kiến phản đối nên có cơ sở công nhận nội dung của văn bản khước từ nhận tài sản.

Theo đó năm 2005 ông I lập hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông Lê Công C một phần căn nhà số 190/5 đường 30/4 với diện tích là 49,26 m² và một phần thửa đất có phần nhà nêu trên có diện tích 68,8m² đất thuộc thửa 116; tờ bản đồ số 28. Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục, ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/10/2005. Việc ông I tặng cho em là ông C là đúng quy định nên không thể hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như yêu cầu của nguyên đơn.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Quan điểm của Lê Trung Phước Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Thu D. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu D đối với ông Lê Công I về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Lê Thị Thu D phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000329 ngày 11/8/2022 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- Đương sự (5);
- Lưu HS (2), VP(5) (17B). (LTTT).

Trần Văn Mười